

CHÍNH PHỦ
Số: 24/2004/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 1 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh bưu chính, viễn thông
về tần số vô tuyến điện

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông trong hoạt động quản lý và sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh thuộc chủ quyền Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tại Việt Nam.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về tần số vô tuyến điện khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Quản lý nhà nước về tần số vô tuyến điện

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tần số vô tuyến điện trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Bưu chính, Viễn thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về tần số vô tuyến điện.

3. Nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành về tần số vô tuyến điện bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch tần số vô tuyến điện; ban hành hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh;

b) Phối hợp, đăng ký quốc tế về tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh; phân bổ, ấn định tần số; cấp giấy phép băng tần, giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện (sau đây gọi là giấy phép tần số vô tuyến điện); thu và quản lý lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra, kiểm soát tần số vô tuyến điện, xử lý nhiễu có hại và quản lý tương thích điện từ; thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Nghịệp vụ cố định" là nghịệp vụ vô tuyến điện giữa các điểm cố định đã xác định trước.

2. "Nghịệp vụ lưu động" là nghịệp vụ vô tuyến điện giữa các đài lưu động với các đài mặt đất, hoặc giữa các đài lưu động.

3. "Nghịệp vụ lưu động hàng hải" là nghịệp vụ lưu động giữa đài bờ với đài tàu, hoặc giữa các đài tàu, hoặc giữa các đài thông tin trên tàu.

4. "Nghịệp vụ lưu động hàng không" là nghịệp vụ lưu động giữa các đài hàng không với các đài tàu bay, hoặc giữa các đài tàu bay.

5. "Nghịệp vụ quảng bá" là nghịệp vụ vô tuyến điện trong đó việc phát sóng dành cho toàn thể công chúng thu trực tiếp. Nghịệp vụ này bao gồm phát thanh, phát hình và các loại phát sóng khác.

6. "Nghịệp vụ vô tuyến điện nghịệp dư" là nghịệp vụ vô tuyến điện nhằm mục đích tự đào tạo, nghiên cứu kỹ thuật thông tin do các khai thác viên vô tuyến điện nghịệp dư là những người được cấp phép, yêu thích kỹ thuật vô tuyến điện thực hiện, chỉ với mục đích cá nhân không liên quan đến lợi nhuận.

7. "Đài vô tuyến điện" là một hay nhiều thiết bị vô tuyến điện kể cả thiết bị phụ kèm theo tại một địa điểm để thực hiện một nghiệp vụ vô tuyến điện. Mỗi đài vô tuyến điện được phân loại theo nghiệp vụ mà nó hoạt động thường xuyên hoặc tạm thời.

8. "Đài thông tin vệ tinh" là một đài vô tuyến điện đặt trong tầng khí quyển hoặc trên bề mặt trái đất dùng để thông tin với một hay nhiều đài không gian hoặc liên lạc với một hay nhiều đài cùng loại thông qua vệ tinh phản xạ.

9. "Đài lưu động" là một đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ lưu động, sử dụng lúc chuyển động hoặc tạm dừng ở những điểm không định trước.

10. "Đài bờ" là một đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ lưu động hàng hải được đặt trên đất liền hoặc hải đảo để liên lạc với tàu, thuyền.

11. "Đài tàu" là một đài vô tuyến điện lưu động thuộc nghiệp vụ lưu động hàng hải đặt trên tàu, thuyền và không thường xuyên thả neo.

12. "Đài vô tuyến điện đặt trên các phương tiện nghề cá" là một đài vô tuyến điện đặt trên tàu, thuyền và các phương tiện lưu động hoặc không lưu động trên biển dùng để khai thác, chế biến, nuôi trồng và thu gom thủy sản, dịch vụ hậu cần, điều tra thăm dò và kiểm tra, kiểm soát bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

13. "Đài tàu bay" là một đài vô tuyến điện lưu động thuộc nghiệp vụ lưu động hàng không đặt trên tàu bay.

14. "Đài vô tuyến điện nghiệp dư" là một đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.

15. "Điện thoại không dây" (loại kéo dài thuê bao) là thiết bị thu - phát gồm hai phần liên lạc với nhau bằng sóng vô tuyến:

"Phần 1, máy mẹ" là phần đặt cố định, được đấu nối với một mạng điện thoại;

"Phần 2, máy con" là phần có thể đặt cố định hoặc mang đi lưu động, có cùng số điện thoại với máy mẹ.

16. "Phát xạ ngoài băng" là phát xạ ở một hay nhiều tần số nằm ngay ngoài độ rộng băng tần cần thiết do kết quả của quá trình điều chế nhưng không bao gồm phát xạ giả.

17. "Phát xạ giả" là phát xạ trên một hay nhiều tần số ngoài độ rộng băng tần cần thiết và có thể làm giảm mức phát xạ đó mà không ảnh hưởng đến việc truyền đưa tin tức.

18. "Phát xạ không mong muốn" là phát xạ bao gồm cả phát xạ giả và phát xạ ngoài băng.

19. "Nhiều có hại" là nhiều làm nguy hại đến các hoạt động của các nghiệp vụ vô tuyến điện hợp pháp hoặc cản trở, làm gián đoạn một nghiệp vụ vô tuyến điện đang được phép khai thác.

20. "Phân bổ băng tần" là việc quy định một băng tần xác định cho một hay nhiều tổ chức hoặc doanh nghiệp được quyền sử dụng theo những điều kiện cụ thể trong một loại nghiệp vụ vô tuyến điện hoặc hệ thống thông tin vô tuyến điện.

21. "ấn định tần số" là việc cơ quan quản lý cho phép một đài vô tuyến điện được quyền sử dụng một tần số hay một kênh tần số vô tuyến điện theo những điều kiện cụ thể.

22. "Nghiệp vụ chính" là nghiệp vụ có tên được in bằng chữ in hoa (ví dụ: cố định) trong bảng phân chia phổ tần số vô tuyến điện cho các nghiệp vụ.

23. "Nghiệp vụ phụ" là nghiệp vụ có tên được in bằng chữ in thường (ví dụ: Lưu động) trong bảng phân chia phổ tần số vô tuyến điện cho các nghiệp vụ.

Chương II

QUY HOẠCH, PHÂN BỐ TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 5. Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện

1. Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia là phương án phân chia phổ tần số vô tuyến điện thành các băng tần dành cho các nghiệp vụ theo từng thời kỳ và quy định điều kiện để thiết lập trật tự khai thác, sử dụng tối ưu phổ tần số vô tuyến điện trên phạm vi cả nước.

Bộ Bưu chính, Viễn thông xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.

2. Căn cứ Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, Bộ Bưu chính, Viễn thông ban hành quy hoạch băng tần, quy hoạch kênh, quy hoạch tần số vô tuyến điện theo

vùng.

a) Quy hoạch băng tần quy định chi tiết các điều kiện, mục đích sử dụng một số đoạn băng tần cho một loại nghiệp vụ vô tuyến điện hoặc hệ thống thông tin vô tuyến điện cụ thể. Quy hoạch băng tần được xây dựng trên cơ sở công nghệ sử dụng, định mức số lượng băng tần cần thiết, nhu cầu phát triển dịch vụ và dự phòng băng tần cho công nghệ mới, nhu cầu mới.

b) Quy hoạch kênh phân chia mỗi băng tần thành các nhóm kênh tần số cho một loại nghiệp vụ vô tuyến điện cụ thể theo một hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định. Quy hoạch kênh được xây dựng trên cơ sở các khuyến nghị phân kênh, các tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Viễn thông quốc tế để thiết lập trật tự sử dụng kênh tần số vô tuyến điện, hạn chế nhiễu có hại giữa các thiết bị vô tuyến điện.

c) Quy hoạch tần số vô tuyến điện theo vùng xác lập các vùng sử dụng lại tần số cho một loại nghiệp vụ vô tuyến điện cụ thể ở một số đoạn băng tần trong dải tần số từ ba mươi Mêgahéc (30 MHz) đến ba nghìn Mêgahéc (3000 MHz). Quy hoạch tần số vô tuyến điện theo vùng được xây dựng trên cơ sở các khuyến nghị, các tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Viễn thông quốc tế để nâng cao hiệu quả sử dụng phổ tần số vô tuyến điện, hạn chế nhiễu có hại giữa các thiết bị vô tuyến điện.

Điều 6. Thực hiện quy hoạch

1. Nghiêm cấm việc sản xuất, nhập khẩu hoặc sử dụng thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện tại Việt Nam trái với quy hoạch (trừ thiết bị thuộc diện tạm nhập tái xuất; thiết bị được sản xuất để xuất khẩu; thiết bị để giới thiệu công nghệ trong triển lãm, hội chợ).

2. Các quy hoạch phát triển điện tử, viễn thông, phát thanh, truyền hình và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội khác có liên quan đến việc sử dụng tần số vô tuyến điện trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phải được Bộ Bưu chính, Viễn thông thẩm định về phần tần số vô tuyến điện.

3. Đối với các thiết bị vô tuyến điện và mạng lưới viễn thông sử dụng tần số vô tuyến điện từ trước khi Quy hoạch có hiệu lực mà không phù hợp với Quy hoạch, Bộ Bưu